BÙI THỊ HẢI YẾN (Chủ biên)
PHẠM THỊ NGỌC DIỆP

ĐỊA LÝ
KINH TẾ - XÃ HỘI CHÂU ÂU

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BÙI THỊ HẢI YẾN (Chủ biên) – PHẠM THỊ NGỌC DIỆP

ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI
CHÂU ÂU

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc HEVOBCO – Nhà xuất bản Giáo dục

547–2008/CXB/1 – 1210/GD Mã số: 7X472Y8–DAI

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 7

Phần một. NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI TRONG THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

1. Bản đồ chính trị thế giới hiện đại 9
2. Tình hình kinh tế – xã hội thế giới trong thời kỳ hiện đại 19
3. Một số tổ chức hợp tác kinh tế – xã hội tiêu biểu 51

Phần hai. ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC TÂY ÂU

A. CÁC NƯỚC TRUNG ÂU 62

- KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC TRUNG ÂU 62
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 62
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 63
  3. Kinh tế 64
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH 67
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 67
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 69
  3. Kinh tế 72
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Anh 80
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ PHÁP 82
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 82
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 85
  3. Kinh tế 87
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Pháp 96
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC 98
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 98
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 99
  3. Kinh tế 102
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Đức 111
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC HÀ LAN 113
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 113
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 115
  3. Kinh tế 117
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Hà Lan 121

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC BỈ 123
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 123
  2. Dân cư – Xã hội và chế độ chính trị 123
  3. Kinh tế 126
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Bỉ 130
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI LIÊN BANG THUỴ SỸ 131
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 131
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 132
  3. Kinh tế 135
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Thuỵ Sỹ 140
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ ÁO 142
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 142
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 143
  3. Kinh tế 145
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Áo 149

B. CÁC NƯỚC BẮC ÂU 151

- KHÁI QUÁT ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC BẮC ÂU 151
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 151
  2. Dân cư – xã hội 151
  3. Kinh tế 152
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC NA UY 153
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 153
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 156
  3. Kinh tế 157
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Na Uy 161
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC THUỴ ĐIỂN 162
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 162
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 164
  3. Kinh tế 165
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Thuỵ Điển 170
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ PHẦN LAN 171
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 171
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 173
  3. Kinh tế 174
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Phần Lan 177
- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH 179
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 179
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 180
  3. Kinh tế 182
  4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Đan Mạch 185

C. CÁC NƯỚC NAM ÂU 187

- KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC NAM ÂU 187
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 187
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 188
  3. Kinh tế 189

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ ITALIA 190
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 190
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 192
  3. Kinh tế 195
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Italia 201

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI VƯƠNG QUỐC TÂY BAN NHA 203
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 203
  2. Dân cư – Xã hội và chế độ chính trị 205
  3. Kinh tế 208
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Tây Ban Nha 212

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ BỒ ĐÀO NHA 214
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 214
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 216
  3. Kinh tế 218
  4. Quan hệ giữa Bồ Đào Nha và Việt Nam 223

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ HY LẠP 224
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 224
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 226
  3. Kinh tế 229
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Hy Lạp 233

Phần ba. ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU VÀ SNG

- KHÁI QUÁT ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU VÀ SNG 234
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 234
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 236
  3. Kinh tế 237

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ SÉC 239
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 239
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 240
  3. Kinh tế 242
  4. Quan hệ giữa Việt Nam và Cộng hoà Séc 246

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ XLÔVAKIA 247
  1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 247
  2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 248

3. Kinh tế 250
4. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Xlôvakia 253

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ HUNGARI 254
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 254
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 255
3. Kinh tế 257
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Hungari 260

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ RUMANI 262
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 262
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 263
3. Kinh tế 266
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Rumani 270

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ BUNGARI 271
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 271
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 272
3. Kinh tế 274
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Bungari 278

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ BA LAN 279
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 279
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 282
3. Kinh tế 284
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Ba Lan 289

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI LIÊN BANG NGA 291
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 291
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 294
3. Kinh tế 297
4. Quan hệ giữa Liên bang Nga và Việt Nam 307

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XA HỘI CỘNG HOÀ UCRAINA 309
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 309
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 310
3. Kinh tế 312
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Ucraina 315

- ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CỘNG HOÀ BÊLARUT 316
1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên 316
2. Dân cư – xã hội và chế độ chính trị 317
3. Kinh tế 319
4. Quan hệ giữa Việt Nam và Bêlarut 322

TÀI LIỆU THAM KHẢO 325

Lời nói đầu

Trong xu hướng toàn cầu hoá hiện nay, các yếu tố kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế biến đổi nhanh chóng, cần phải hiểu biết nước mình cũng như các nước khác trên thế giới.

Những hiểu biết về đất nước, con người, kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới là yếu tố quan trọng cho mỗi người làm việc, kinh doanh thành công, sống hạnh phúc và có thể đóng góp lợi ích cho cơ quan, doanh nghiệp và quốc gia. Những thông tin, số liệu về kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới luôn cần được bổ sung, cập nhật cho phù hợp với thực tiễn.

***Địa lý kinh tế – xã hội thế giới** là môn học được đưa vào dạy học ở nhiều khoa, ngành trong các trường Cao đẳng, Đại học cũng như hệ thống các trường Trung học phổ thông tại Việt Nam. Hiện nay hình thức đào tạo theo tín chỉ đã được thực hiện trong nhiều trường Đại học ở Việt Nam. Thực hiện hình thức đào tạo này, người học **Địa lý kinh tế – xã hội thế giới** ngoài giáo trình còn cần có các tài liệu học tập và nghiên cứu, cung cấp những thông tin phong phú, cập nhật, chi tiết hơn về kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Vì vậy trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo một khối lượng tư liệu lớn của nhiều cơ quan, tác giả trong và ngoài nước, cũng như việc khảo sát thực tiễn ở nhiều quốc gia. Cùng với việc vận dụng kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu, biên soạn **Giáo trình Địa lý kinh tế – xã hội thế giới** và nhiều công trình nghiên cứu do bản thân thực hiện, chúng tôi đã tiến hành biên soạn cuốn **Địa lý kinh tế – xã hội châu Âu**.*

Nội dung cuốn sách sẽ cung cấp cho quý độc giả nguồn thông tin, số liệu về những vấn đề kinh tế – xã hội thế giới trong thời kỳ hiện đại và đất nước, kinh tế – xã hội của các nước châu Âu. Qua đó, góp phần giúp quý độc giả có được những tri thức, quan điểm, phương pháp học tập, làm việc, kinh doanh có hiệu quả cao, sống hạnh phúc và góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng cũng như đất nước.

Cuốn sách có thể dùng làm tài liệu tham khảo học tập và nghiên cứu cho sinh viên các khoa, ngành trong nhiều trường Đại học, giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường Trung học phổ thông, cũng như những ai quan tâm đến các vấn đề được biên soạn trong cuốn sách.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách này, chúng tôi đã tham khảo một số lượng lớn tài liệu, kết quả của nhiều tác giả, cũng như các cơ quan và tổ chức. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức và các tác giả đã dẫn trong sách.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn để nội dung cuốn sách mang tính khoa học và thực tiễn cao nhất. Song kinh tế – xã hội thế giới cũng như kinh tế – xã hội châu Âu là những vấn đề khoa học và thực tiễn rộng lớn, luôn biến động, nên cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để khi tái bản cuốn sách sẽ có chất lượng tốt hơn.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn PGS. Nguyễn Dược, PGS.TS. Đặng Văn Đức – Chủ nhiệm Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, cùng các cơ quan, các bạn đồng nghiệp, những người thân đã khích lệ và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình biên soạn, chỉnh sửa cuốn sách.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một
NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI TRONG THỜI KỲ HIỆN ĐẠI

1. BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Bản đồ chính trị thế giới hiện đại không phải hình thành ngay trong một lúc, mà nó được hình thành dần dần trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại. Bản đồ chính trị thế giới hiện đại luôn thay đổi do những nguyên nhân khác nhau. Đó là sự thay đổi về kinh tế và xã hội trong một quốc gia, sự xuất hiện các nước mới, sự sụp đổ của các đế quốc riêng biệt, sự thay đổi về biên giới giữa các nước,...

Bản đồ chính trị thế giới có những sự thay đổi rất quan trọng từ khi Chủ nghĩa tư bản (CNTB) bước sang giai đoạn Đế quốc chủ nghĩa (ĐQCN) và đặc biệt là từ sau cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Bản đồ chính trị thế giới cũng có những thay đổi sâu sắc trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai với sự hình thành và tan rã của hệ thống Xã hội chủ nghĩa (XHCN) trên thế giới, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.

1.1. Những thay đổi quan trọng trên bản đồ chính trị thế giới trước, trong và sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

Những cuộc phát kiến lớn về địa lý vào cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI mở đầu cho việc xâm chiếm thuộc địa. Đi đầu trong cuộc xâm chiếm này là các nước Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đến giữa thế kỷ XVI hai nước nói trên đã trở thành các cường quốc thuộc địa. Đầu thế kỷ XVII Hà Lan cũng bắt đầu xâm chiếm thuộc địa. Từ nửa cuối thế kỷ XVII nước Anh (nước có nền kinh tế phát triển nhất lúc bấy giờ) cũng bắt đầu tham gia cuộc chiến tranh giành giật thuộc địa. Tiếp đó là Pháp và một số nước Tư bản chủ nghĩa (TBCN) khác như Đức, Mỹ, Nhật Bản, Bỉ,... cũng đẩy mạnh việc xâm chiếm thuộc địa.

Từ cuối thế kỷ XIX các đế quốc Mỹ, Đức lúc bấy giờ chiếm ưu thế về kinh tế, giữ các vị trí số 1 và số 2 về sản xuất công nghiệp trên thế giới. Lực lượng giữa các đế quốc lớn đã thay đổi, mâu thuẫn giữa các nước đó ngày càng trầm trọng và cuộc đấu tranh nhằm chia lại thị trường thế giới ngày càng trở nên gay gắt. Hai khối đế quốc, một khối do Anh, Pháp, Nga làm nòng cốt và một khối do Đức, Áo – Hung đứng đầu đã hình thành trong hoàn cảnh lịch sử đó.

Ngày 1/8/1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Cuộc đấu tranh nhằm chia lại thị trường thế giới và phạm vi thống trị giữa các nước đế quốc là nguyên nhân chủ yếu của cuộc chiến tranh này. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất mang tính chất ĐQCN rõ rệt. Trên 30 nước với số dân 1,5 tỷ người đã bị lôi cuốn vào chiến tranh. Cuối năm 1918, chiến tranh kết thúc với sự thất bại của Đức và các đồng minh của Đức.